

Số: 1048 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hệ thống biểu mẫu và chế độ báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc: “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công”; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về: “Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm”;

Căn cứ Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công”;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại văn bản số 835/STC-TTr ngày 14/3/2018 về việc: “Đề nghị ban hành quy định về chế độ và hệ thống biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, kèm theo Biên bản họp, đề xuất của liên ngành: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, tổ chức ngày 31/01/2018 và văn bản số 91/BCTĐ-STP ngày 09/3/2018 của Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa về việc: “Báo cáo thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Hệ thống biểu mẫu và chế độ báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Hệ thống biểu mẫu và chế độ báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (có các biểu mẫu báo cáo kèm theo).

Điều 2. Chế độ thực hiện báo cáo.

1. Biểu số 01-KHV: Báo cáo phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công các dự án thuộc tỉnh quản lý; huyện, thị xã, thành phố, Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn quản lý (gọi chung là cấp huyện); xã, phường, thị trấn quản lý (gọi chung là cấp xã) năm...

a) Đơn vị thực hiện báo cáo: Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án.

b) Cơ quan nhận báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thời gian báo cáo:

- Đối với kế hoạch giao đầu năm: Sau 03 ngày kể từ ngày UBND các cấp ký Quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các đơn vị theo quy định.

- Đối với kế hoạch vốn bổ sung trong năm hoặc kế hoạch điều chỉnh (nếu có): Sau 05 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền ký Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư công.

- Đối với kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm sau: Sau 05 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền có thông báo cho các đơn vị.

d) Cơ quan tổng hợp, dự thảo báo cáo để Chủ tịch UBND tỉnh ký, gửi các Bộ, ngành trung ương (theo Biểu mẫu số 01/ĐP-KH ban hành kèm theo Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính): Sở Kế hoạch & Đầu tư.

2. Biểu số 02-TTV: Tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công các dự án thuộc tỉnh quản lý; cấp huyện quản lý; cấp xã quản lý năm... (định kỳ hằng quý, hằng năm).

a) Cơ quan thực hiện tổng hợp, báo cáo (các chỉ tiêu tại cột 2 và từ cột 14 đến cột 18): Kho bạc Nhà nước tỉnh.

b) Cơ quan nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư.

c) Thời gian báo cáo:

- Hằng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng): Trước ngày 07 ngày đầu tiên của quý tiếp theo.

- Hằng năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 25 tháng 2 năm đầu tiên của năm sau năm kế hoạch.

d) Cơ quan dự thảo báo cáo đề Chủ tịch UBND tỉnh ký, gửi các Bộ, ngành trung ương (theo Biểu mẫu số 02/ĐP-TT ban hành kèm theo Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính): Sở Tài chính.

3. Biểu số 03-TTV: Tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công giữa kỳ trung hạn và cả giai đoạn trung hạn (định kỳ giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn 5 năm trung hạn).

a) Cơ quan thực hiện tổng hợp, báo cáo:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư (các chỉ tiêu từ cột 01 đến cột 11);

- Kho bạc Nhà nước tỉnh (các chỉ tiêu tại cột 2 và từ cột 12 đến cột 16);

b) Cơ quan nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

c) Thời gian báo cáo:

- Giữa kỳ và trung hạn: Trước ngày 7 tháng 7 năm thứ 3 của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Cả giai đoạn 5 năm trung hạn: Trước ngày 25 tháng 2 năm đầu tiên của giai đoạn trung hạn tiếp theo.

d) Cơ quan dự thảo báo cáo đề Chủ tịch UBND tỉnh ký, gửi các Bộ, ngành trung ương (theo Biểu mẫu số 03/ĐP-TT ban hành kèm theo Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính): Sở Tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh; các đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng vốn đầu tư công (các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư; các Ban quản lý dự án) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC. Thn201825 (100).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

BÁO CÁO PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CÁC DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM ...

Đơn vị tính: Triệu đồng.

| TT | Nội dung | Nhóm (QTQG, A, B, C) | Mã dự án đầu tư | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn ... | Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết kế hoạch năm trước năm BC | Kế hoạch vốn ĐT các năm trước được kéo dài t.gian thực hiện và TT trong năm | Kế hoạch vốn đầu tư năm..... | | | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư năm....(nếu có) | | |
|-----|---|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------|--------------------|----------------|--|--|---|------------------------------|-----------------------------|--------------------|--|-----------------------------|--------------------|
| | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | |
| | | | | | | Tổng các nguồn vốn | Trong đó: NSNN | | | | | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB | | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| | TỔNG SỐ (I+II): | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN NSNN | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Vốn đầu tư trong cân đối NSDP (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, XSKT) | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Cấp tỉnh quản lý | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Cấp huyện quản lý | | | | | | | | | | | | | | | |
| (3) | Cấp xã quản lý | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Cấp tỉnh quản lý | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Cấp huyện quản lý | | | | | | | | | | | | | | | |
| (3) | Cấp xã quản lý | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Vốn ngân sách Trung ương | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Vốn chương trình mục tiêu quốc gia | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Chương trình MTQG xây dựng NTM | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Chương trình mục tiêu..... | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Chương trình mục tiêu..... | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Vốn Trái phiếu Chính phủ | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Vốn Trái phiếu lĩnh vực..... | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Nội dung | Nhóm (QTQG, A, B, C) | Mã dự án đầu tư | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn ... | Lấy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết kế hoạch năm trước năm BC | Kế hoạch vốn ĐT các năm trước được kéo dài t.gian thực hiện và TT trong năm | Kế hoạch vốn đầu tư năm..... | | | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư năm....(nếu có) | | |
|-----|---|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------|--------------------|----------------|--|--|---|------------------------------|-----------------------------|--------------------|--|-----------------------------|--------------------|
| | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | |
| | | | | | | Tổng các nguồn vốn | Trong đó: NSNN | | | | | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB | | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| (2) | Vốn Trái phiếu lĩnh vực.... - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.4 | Vốn Công trái Quốc gia (nếu có): - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.5 | Vốn nước ngoài | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Vốn ODA giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Nguồn vốn..... - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ CHƯA ĐƯA VÀO CÁN ĐÔI NGÂN SÁCH | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Nguồn vốn..... | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Nguồn vốn..... | | | | | | | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thanh Hóa, ngàytháng.....năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CÁC DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM ...

Đơn vị tính: Triệu đồng.

| TT | Nội dung | Nhóm (QTQG, A, B, C) | Mã dự án đầu tư | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn ... | Lấy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết kế hoạch năm trước năm BC | Kế hoạch vốn đầu tư năm ... | | | Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư năm ... | | Kế hoạch vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang năm sau | Kế hoạch vốn còn chưa thanh toán bị hủy bỏ (nếu có) | |
|-----|---|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------|--------------------|----------------|--|--|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------------|--|--------------------------------------|---|---|----------------------------------|
| | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | |
| | | | | | | Tổng các nguồn vốn | Trong đó: NSNN | | | | KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang | Kế hoạch giao trong năm | | TT vốn kéo dài năm trước chuyển sang | | | Thanh toán KH giao vốn trong năm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| | TỔNG SỐ (1+II): | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN NSNN | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Vốn đầu tư trong cân đối NSDP (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, XSKT) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Cấp tỉnh quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Cấp huyện quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (3) | Cấp xã quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Cấp tỉnh quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Cấp huyện quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (3) | Cấp xã quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Vốn ngân sách Trung ương | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Vốn chương trình mục tiêu quốc gia | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Chương trình MTQG xây dựng NTM | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Chương trình mục tiêu.... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Chương trình mục tiêu.... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Vốn Trái phiếu Chính phủ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Vốn Trái phiếu lĩnh vực.... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Vốn Trái phiếu lĩnh vực.... | | | | | | | | | | | | | | | | |

KTH

| TT | Nội dung | Nhóm (QTQG, A, B, C) | Mã dự án đầu tư | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn ... | Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết kế hoạch năm trước năm BC | Kế hoạch vốn đầu tư năm ... | | | Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư năm ... | | | Kế hoạch vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang năm sau | Kế hoạch vốn còn chưa thanh toán bị hủy bỏ (nếu có) |
|-----|---|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------|--------------------|----------------|--|--|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------------|--|--------------------------------------|----------------------------------|---|---|
| | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | |
| | | | | | | Tổng các nguồn vốn | Trong đó: NSNN | | | | KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang | Kế hoạch giao trong năm | | TT vốn kéo dài năm trước chuyển sang | Thanh toán KH giao vốn trong năm | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| 2.4 | - Dự án Vốn Công trái Quốc gia (nếu có): | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.5 | - Dự án Vốn nước ngoài | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Vốn ODA giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | - Dự án Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.6 | - Dự án Vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Nguồn vốn..... - Dự án | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | NGUỒN THÙ ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Nguồn vốn..... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Nguồn vốn..... | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: - Số liệu thanh toán vốn nước ngoài là số vốn KBNN kiểm soát, xác nhận;

- Báo cáo hằng quý không bao gồm số liệu tổng hợp tại cột 17 và cột 18.

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thanh Hóa, ngàytháng.....năm ...
GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH THANH HÓA
(Ký, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Biểu số 03-TTV
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1048 /QĐ-UBND
ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIỮA KỲ TRUNG HẠN VÀ CẢ GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN ...

Đơn vị tính: Triệu đồng.

| TT | Nội dung | Nhóm (QTQG, A, B, C) | Mã dự án đầu tư | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | Kế hoạch vốn giao từ đầu kỳ trung hạn đến thời điểm báo cáo | | | Thanh toán kế hoạch vốn từ đầu kỳ trung hạn đến thời điểm báo cáo | | | Kế hoạch vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang giai đoạn sau | Kế hoạch vốn còn chưa thanh toán bị hủy bỏ (nếu có) |
|-----|--|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------|--------------------|----------------|---|------------------------------------|--|---|---------------------------------------|---|---|---|
| | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | |
| | | | | | | Tổng các nguồn vốn | Trong đó: NSNN | | KH vốn giai đoạn trước chuyển sang | Kế hoạch vốn được giao từ đầu kỳ trung hạn đến thời điểm báo cáo | | TT KH vốn giai đoạn trước chuyển sang | Thanh toán KH vốn từ đầu kỳ trung hạn đến thời điểm báo cáo | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| | TỔNG SỐ (I+II): | | | | | | | | | | | | | | |
| I | VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN NSNN | | | | | | | | | | | | | | |
| I | Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>Vốn đầu tư trong cân đối NSDP (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, XSKT)</i> | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | <i>Cấp tỉnh quản lý</i> | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Cấp tỉnh quản lý | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Cấp huyện quản lý | | | | | | | | | | | | | | |
| (3) | Cấp xã quản lý | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | <i>Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP</i> | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Cấp tỉnh quản lý | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Cấp huyện quản lý | | | | | | | | | | | | | | |
| (3) | Cấp xã quản lý | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Vốn ngân sách Trung ương | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | <i>Vốn chương trình mục tiêu quốc gia</i> | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Chương trình MTQG xây dựng NTM | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | <i>Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu</i> | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Chương trình mục tiêu..... | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Chương trình mục tiêu..... | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | <i>Vốn Trái phiếu Chính phủ</i> | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Vốn Trái phiếu lĩnh vực.... | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Vốn Trái phiếu lĩnh vực.... | | | | | | | | | | | | | | |

Đặng

| TT | Nội dung | Nhóm (QTQG, A, B, C) | Mã dự án đầu tư | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | Kế hoạch vốn giao từ đầu kỳ trung hạn đến thời điểm báo cáo | | | Thanh toán kế hoạch vốn từ đầu kỳ trung hạn đến thời điểm báo cáo | | | Kế hoạch vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang giai đoạn sau | Kế hoạch vốn còn chưa thanh toán bị hủy bỏ (nếu có) |
|-----|--|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------|--------------------|----------------|---|------------------------------------|--|---|---------------------------------------|---|---|---|
| | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | |
| | | | | | | Tổng các nguồn vốn | Trong đó: NSNN | | KH vốn giai đoạn trước chuyển sang | Kế hoạch vốn được giao từ đầu kỳ trung hạn đến thời điểm báo cáo | | TT KH vốn giai đoạn trước chuyển sang | Thanh toán KH vốn từ đầu kỳ trung hạn đến thời điểm báo cáo | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 2.4 | - Dự án Vốn Công trái Quốc gia (nếu có): | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.5 | - Dự án Vốn nước ngoài | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Vốn ODA giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Nguồn vốn..... | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| II | NGUỒN THU DẸ LẠI CHO ĐẦU TƯ CHỨA ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGẮN | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Nguồn vốn..... | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Nguồn vốn..... | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: - Số liệu thanh toán vốn nước ngoài là số vốn KBNN kiểm soát, xác nhận;
- Báo cáo giữa kỳ trung hạn không bao gồm số liệu tổng hợp tại cột 15 và cột 16.

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thanh Hóa, ngàytháng.....năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)